

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12-7-2018

V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Quốc Trung**

2. Bà **Phạm Thị Bích Vân**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Tuấn Kiệt** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1973 (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1972 (*Có mặt*)

Cùng trú tại: Khu vực Trường Trung, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ, tình tiết có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 1990, Bà Lê Thị Mỹ D với ông Trần Văn M quen biết nhau, sau đó hai người tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đồng thời ông M có mối quan hệ bất chính với người khác có lần bà D bắt gặp tại nhà người phụ nữ đó, bà có khuyên ông M từ bỏ nhiều lần nhưng ông M không từ bỏ, làm ảnh hưởng đến danh dự của bà và các con. Nay bà D đã suy nghĩ kỹ là không thể tiếp tục chung sống với ông M

được nữa, và không muốn mọi người coi bà là vợ của ông M. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình sống chung giữa bà với ông M có 02 người con chung: (1) Trần Thị Thúy Huỳnh, sinh ngày 21/6/1991; (2) Trần Thị Thúy Kiều, sinh ngày 22/6/1993, hiện tại các con đã trưởng thành và có gia đình ở riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông M tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà D xác định không có.

Bị đơn ông Trần Văn M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, và nợ chung Ông thống nhất như bà D trình bày. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là do bà D hay ghen tuông vô cớ; đúng là có lần bà D thấy ông trong nhà người phụ nữ bà D nghi ngờ có quan hệ bất chính, nhưng đó là việc riêng của Ông, không có quan hệ bất chính gì như bà D nghĩ. Nay Ông cũng không muốn tiếp tục sống chung với bà D nữa, tình cảm vợ chồng đã hết, nếu Tòa án có tuyên bố không công nhận vợ chồng, ông cũng chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Bà Trần Thị Mỹ D và ông Trần Văn M tự nguyện sống chung như là vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đôi bên không tự hòa giải được. Từ đó, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận Bà và ông M là vợ chồng, nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng” được quy định tại khoản 8 Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về nội D yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy bà Trần Thị Mỹ D và ông Trần Văn M sống chung với nhau như là vợ chồng từ năm 1990 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ giữa bà D và ông M không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay các bên không tiếp tục sống chung với nhau, và có yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng. Do đó, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình sống chung giữa bà với ông M có 02 người con chung: (1) Trần Thị Thúy Huỳnh, sinh ngày: 21/6/1991; (2) Trần Thị Thúy Kiều, sinh ngày: 22/6/1993, hiện tại các con đã trưởng thành và có gia đình ở riêng,

các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà D và ông M tự thỏa thuận. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà D, ông M xác định không có.

[3]. Án phí sơ thẩm:

-Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Bà Trần Thị Mỹ D tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Mỹ D và ông Trần Văn M là vợ chồng.

Về con chung: 02 người con chung: (1) Trần Thị Thúy Huỳnh, sinh ngày 21/6/1991; (2) Trần Thị Thúy Kiều, sinh ngày 22/6/1993, hiện tại các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà D và ông M tự thỏa thuận. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà D, ông M xác định không có.

2. Về án phí:

- *Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình:* Bà Lê Thị Mỹ D tự nguyện chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Hạnh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001920 ngày 18/5/2018 tại chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.(Công nhận bà D đã nộp xong)

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Ô Môn.
- Chi cục Thi hành án.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

(Đã ký)

Trần Văn Mẫn

